TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21** /2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 2 - 2025
V/v " Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trà Thị Thanh Thắm;
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Bà Võ Thị Trà Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thiên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 21 tháng 2 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 1 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 2 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1975.

2. *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn Hội An, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có đơn xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, tại, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung do không hợp tính tình nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị và anh T thời gian gần đây đã không sống chung với nhau.

Nay chị xét thấy quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- *Về con chung:* Đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không có yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến của chị Th về thời gian vợ chồng sống chung với nhau như vợ chồng là từ năm 1994. Thời gian gần đây vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nay chị Th yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục Tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện: Chị Trần Thị Th và anh Bùi Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau nên giữa họ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, chị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, bị đơn anh T cũng đồng ý ly hôn. Qua xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T thể hiện: Chị Th và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Xét thấy, chị Th, anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay mà không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân gia và đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp " Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn và nhân gia đình", tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Th và anh Bùi Văn T.

[2] Về con chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị Th phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp " Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn và nhân gia đình"; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thạnh và anh Bùi Văn T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam theo biên lai thu số 0005893 lập ngày 10 tháng 01 năm 2025. Chị Thanh đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Phước;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- CCTHA huyện Tiên Phước;
- Lưu hồ sơ + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Trà Thị Thanh Thắm